

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 300/2025/LĐ-ST
Ngày: 19-6-2025
V/v: Tranh chấp về tiền lương
và bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Công;

Bà Nguyễn Thị Kim Thu- Nguyên Trưởng
phòng Lao động thương binh và Xã hội thành
phố Thuận An.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình
Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận
An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý
số 142/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc Tranh chấp về tiền
lương và bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
281/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa
số 101/2025/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Xuân N, sinh năm 1970; nơi thường trú: Khu
V, phường D, thị xã V, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ liên lạc: Đường X, khu phố C,
phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH M; địa chỉ: Số D, tổ C, khu phố B, phường T,
thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố T,
địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu
cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ông N làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 8 năm 2020 và ông có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Vị trí công việc của ông là công nhân kỹ thuật với mức lương theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động mà hai bên ký kết là 5.214.000 đồng.

Trong quá trình làm việc, Công ty TNHH M vẫn chưa thanh toán tiền lương của tháng 8 và tháng 9 năm 2024 cho ông với tổng số tiền lương là 39.000.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH M thì vào đầu tháng 9 Công ty TNHH M có trả trước tiền lương cho ông số tiền 3.000.000 đồng, phần còn lại hứa sẽ thanh toán đủ vào tháng sau. Tuy nhiên, đến ngày 24/9/2024 Công ty TNHH M đóng cửa không còn hoạt động nữa mà không thông báo cho ông, cũng không thanh toán cho ông số lương vẫn còn nợ là 36.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông chỉ yêu cầu Công ty TNHH M trả tiền lương tháng 8 và tháng 9 là 33.396.440 đồng.

Công ty TNHH M chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm xã hội cho ông theo quy định, mặc dù hàng tháng vẫn trừ tiền bảo hiểm vào tiền lương của ông, cụ thể Công ty TNHH M chưa thanh toán bảo hiểm cho ông từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024. Do Công ty TNHH M chưa thanh toán tiền bảo hiểm nên ông không thể chốt sổ bảo hiểm theo quy định dẫn đến việc ông không thể xin việc làm tại công ty khác.

Nhận thấy việc Công ty TNHH M không thanh toán tiền lương, không thanh toán tiền bảo hiểm theo quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông khởi kiện yêu cầu, cụ thể:

Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán cho ông Trương Xuân N tiền lương còn nợ từ tháng 08 đến tháng 09 năm 2024 là 33.396.440 đồng.

Buộc Công ty TNHH M phải đóng Bảo hiểm xã hội và chốt trả bảo hiểm xã hội cho ông Trương Xuân N từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 09 năm 2024 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương trình bày: Bảo hiểm xã hội thành phố T đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của ông N, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M trả lương các tháng 8, 9 năm 2024; đóng bảo hiểm xã hội và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH M; địa chỉ: Số D, Tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ông N và Bảo hiểm xã hội thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ông N vào làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 8 năm 2020, Công ty TNHH M đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho ông N từ tháng 11/2022 theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ Công văn số 18/CV-BHXXH ngày 04/4/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định: Ông Trương Xuân N, sinh ngày 22/02/1970, CCCD số 093070004236 (CMND 363593580); mã số Bảo hiểm xã hội 9320818595 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M từ tháng 11/2022, Công ty TNHH M đã thanh toán bảo hiểm xã hội cho ông N đến tháng 6/2023.

Tháng 9 năm 2024 Công ty TNHH M đóng cửa, ông N cũng chính thức nghỉ việc tại Công ty vào thời gian này, ông N vẫn làm việc tại công ty đến tháng 9 năm 2024. Ông N cho rằng công ty trả lương cho công nhân vào ngày

15 tây hàng tháng. Lương tháng 7 trước khi công ty đóng cửa ông được nhận là 18.198.220 đồng. Do công ty đưa trước 3.000.000 đồng. Hiện, công ty còn nợ ông tiền lương là 33.396.440 đồng. Ngoài ra, việc Công ty TNHH M1 lương của ông N hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông N và không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông N là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động nên yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán hai tháng tiền lương tháng 8 và tháng 9 năm 2024 còn nợ là 33.396.440 đồng và đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông N tại Bảo hiểm xã hội thành phố T từ tháng 7/2023 đến hết tháng 9/2024. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội và buộc Công ty TNHH M thực hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông N theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Điều 48 Bộ luật Lao động;

- Các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Xuân N đối với bị đơn Công ty TNHH M về việc “Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội”.

2. Buộc Công ty TNHH M còn thiếu tháng 8 và tháng 9 năm 2024 là 33.396.440 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) cho ông Trương Xuân N.

3. Buộc Công ty TNHH M phải đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông Trương Xuân N, sinh ngày 22/02/1970, CCCD số 093070004236 (CMND 363593580); mã số Bảo hiểm xã hội 9320818595 tại Bảo hiểm xã hội thành phố

Từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

4. Buộc Công ty TNHH M thực hiện xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông Trương Xuân N theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH M phải chịu 1.301.893 đồng (một triệu ba trăm lẻ một nghìn tám trăm chín mươi ba đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà